作成:みんなの外国人ネットワークMINNA（国立国際医療研究センター国際医療協力局、SHARE、アジア経済研究所、みんなのSDGs 外国人タスクフォース）

コロナ陽性になった時の流れ

Flowchart for COVID19-positive People
新冠病毒呈阳性时的流程
कोरोना भयो (संक्रमण भयो)भने गर्नु पर्ने कुराहरु
Quy trình xử lý khi bị dương tính với corona

このフローチャートは、2021年2月時点での、東京都における状況に基づいて作成しました。

This flowchart was drawn based on the situation in Tokyo in February 2021
根据东京都的状况，于2021年2月制定了这个流程图。
यो चार्ट 2021साल फेब्रुअरी महिना सम्मको, टोकियोको वर्तमान अवस्थामा आधारित गरि बनाइएको हो
Sơ đồnày được tạo nên dựa trên tình hình ở thành phố Tokyo tại thời điểm tháng 2 năm 2012

英語・中国語・ネパール語・ベトナム語にて併記

病院や保健所・検査センターなどでPCR検査実施

PCR testing at hospitals, public health centers, testing centers or others
在医院、保健所、检查中心等接受PCR（核酸）检查
अस्पताल या स्वास्थ्य केन्द्र (हेल्थ सेन्टर), टेस्ट सेन्टर इत्यादिमा PCR परीक्षण (टेस्ट) गराउने
Tiến hành xét nghiệm PCR tại bệnh viện hoặc trung tâm y tế', trung tâm xét nghiệm

自宅で待機して療養の準備

Standby at home / Preparation for cure away
在家等待，做好疗养、住院的准备
घरमै बसी उपचार गर्नेको लागि तयारी
Chờ đợi tại nhà, chuẩn bị đi`ều trị

病院や保健所・検査センターなどから検査結果　陽性判定　連絡 1

Notification of test result(positive test result) from hospitals, public health centers, testing centers, or others
检查的结果被判定为阳性者，由医院、保健所、检查中心等通知您
अस्पताल या स्वास्थ्य केन्द्र(हेल्थ सेन्टर), टेस्ट सेन्टर इत्यादिबाट परीक्षण (टेस्ट) रिपोर्ट कोरोना संक्रमण भएको जानकारी
Liên lạc kêt quả xét nghiệm, xác nhận dương tính từ bệnh viện hoặc trung tâm y tế', trung tâm xét nghiệm

- 健康状態聞き取り
  Interview about health condition
  听取健康状况
  स्वास्थ्यको अवस्थाका बारेमा सोधपुछ
  Lấy thông tin tình trạng sức khỏe
- 疫学の調査※1
  Epidemiology study
  流行病学的调查
  कहाँबाट कोरोना संक्रमण भएको भन्ने बारेमा सर्वेक्षण
  Đi`ều tra dịch tễ học

医師の判断（持病、年齢、症状などを総合的に勘案して）
Doctor's decision (based on comprehensive consideration of the patient's chronic disease, age, symptoms, etc.)
医生根据走访有慢性病、年龄、症状等进行综合判断
डाक्टरको निर्णय (पहिले देखि लागेको रोग, उमेर, लक्षणहरू आदिका बारेमा विस्तृत रुपमा विचार गरि निर्णय)
Phán đoán của bác sĩ (xem xét mang tính tổng quát v`ềbệnh mãn tính, tuổi tác, triệu chứng)

療養先の決定

Determination of the recuperation site
决定在哪儿疗养
उपचार गर्ने ठाउँको निर्णय
Quyết định nơi đi`ều trị

自宅療養※2の場合

Case of home cure
在家疗养
घरमै बसी उपचार को अवस्थामा
Trường hợp đi`ều trị tại nhà

3

※5

ホテル療養の場合

Case of hotel cure
在酒店疗养
होटेलमा बसी उपचार गर्ने अवस्थामा
Trường hợp đi`ều trị tại khách sạn

※5

入院する場合

Case of hospitalization
需住院时
अस्पतालमा भर्ना गर्ने अवस्थामा
Trường hợp nhập viện

配食サービス※3

Catering service
食品配送服务
खानेकुरा वितरण सेवा
Dịch vụ phát đ`ồăn

保健所から入所先の連絡

Notification of the facility to stay from some public health center
由保健所联系，告知您在哪个酒店疗养
स्वास्थ्य केन्द्र(हेल्थ सेन्टर) बाट उपचार गर्ने ठाउँको बारेमा जानकारी
Liên lạc v`ênơi ở từ trung tâm y tế'

保健所から入院先・送迎時間の連絡

Notification of the cure site and pick-up time from some public health center
由保健所联系，通知您住哪家医院、接送的时间
स्वास्थ्य केन्द्र(हेल्थ सेन्टर)बाट भर्ना गरिने अस्पतालमा जानका लागि घरमा लिन आउने समयको जानकारी
Liên lạc v`ênơi nhập viện và giờ đưa đón từ trung tâm y tế'

健康観察※4

Observation of health condition
观察健康
स्वास्थ्यको अवलोकन(जाँच , सोधपुछ)
Theo dõi sức khỏe

準備 2

Preparation for moving
做好准备
तयारी
Chuẩn bị

自宅までお迎え※6

Pick up at home
派车去您家接您
घरसम्म लिन आउने
Đón từ nhà

入所

Checking-in
进酒店
अस्पताल तथा होटेलमा भर्ना
Vào ở

入院

Hospital stay
住院
अस्पतालमा भर्ना
Nhập viện

退院※7

Discharge
出院
अस्पतालबाट डिस्चार्ज
Ra viện

発症日を0日目とし、10日間経過し、かつ症状軽快後72時間経過後

After 10 days from the start of symptoms and 72 hours from relief
以出现症状日为0天，经过了10天，症状减轻后且经过了72小时
कोरोनाको लक्षण देखिएको दिनलाई 0 दिन मानी , 10 दिन सम्म, साथै कोरोनाको लक्षण सामान्य भएको 72 घण्टा बितेपछि
Lấy ngày phát bệnh là ngày 0, qua 10 ngày, và sau 72 giờ sau khi tình trạng bệnh chuyển biến tốt

外出可能（療養終了）

Permission to go out (Completion of cure)
可以外出（疗养结束）
बाहिर जान पाउने
Có thể' ra ngoài

退所※7

Discharge
出酒店
बाहिर निस्कने
Rời khách sạn

※1 接触者の確認及び感染場所の調査という感染予防策のため
Contact tracing and contact point survey for infection control
作为预防传染症的对策，要确认发病患者接触者及感染地点
म्हाई दीए संक्रमणको रोकथामका लागि संक्रमण भएको व्यक्तिको जानकारी तथा संक्रमण भएको ठाउँको पत्ता लगाउने कार्य गरिन्छ
Vì biện pháp ngăn ngừa lây nhiễm như xác nhận người tiếp xúc và đi`ều tra nơi lây nhiễm.

※2 病床の空き具合により、症状があってもすぐに入院できず待機する場合もある
Patients may have to stay home in case of shortage of beds
根据病床的空缺情况，虽然有症状，但也有不能马上住院、要您等待的情况。
अस्पतालमा बेडको अभावको कारले कोरोनाको लक्षण देखिए पनि तुरन्तै अस्पतालमा भर्ना हुन नसकि पर्खिनु पर्ने अवस्था पनि आउन सक्तैन
Tùy vào tình trạng sẵn có của giường bệnh, mà sẽ có trường hợp dù có triệu chứng bệnh cũng không thể nhập viện ngay được mà phải chờ đợi.

※3 地域による、宗教食・菜食の提供は難しい場合が多い
Vegetarian food or religious food may not be available in some areas
因地区不同，有时无法提供清真食品或素食
दाउँ अनुसार धर्म अनुसार मिलने खानेकुरा को प्रबन्ध गर्न गाह्रो अवस्था पनि धेरै भएको
Tùy theo vùng mà sẽ có nhi`ều trường hợp khó có thể' cung cấp đ`ồăn tôn giáo và đ`ồăn chay.

※4 症状の確認と生活や心のフォロー
For confirmation of health conditions and support of living or psychological conditions
确认症状，对您的生活、身心进行支援
रोगको लक्षणहरूको जानकारी तथा दैनिक जीवन वा दिमागीको सेवा सम्पर्क
Kiểm tra tình trạng bệnh và hỗ trợ đời sống, tinh th`ần.

※5 症状の悪化や待機していた場合などは、青矢印の場合も出てくる
Patients may follow blue arrows in case of symptomatic worsening or standing by at home
症状的恶化或在家等待时，有时会出现蓝箭头的状态
गम्भीर/ नराम्रो लक्षण देखिएको अवस्थामा तथा घरै बसी छाडी हुने पर्खाईमा बसिराखेको अवस्थामा ,तीरले एरोको अस्त्र पनि आउन सक्तैन
Nếu tình trạng bệnh chuyển biến xấu hoặc đã chờ đợi, có thể'có trường hợp mũi tên màu xanh.

※6 可能なら自家用車で行く
Use a private car when possible
如可能请开自己的车去
सकेस भए आफ्नो गाडीबाट जाने
Đi bằng ô tô riêng nếu có thể'.

※7 公共交通機関などで自分で帰宅
Return home by public transport
请坐对应利用公共交通工具
सार्वजनिक यातायातबाट आफै घर फर्कने
Tự mình trở v`ềnhà bằng phương tiện giao thông công cộng....

●コロナ陽性診断後の入院・ホテル療養にはお金はかかりません

It is free of charge for hospitalization or hotel cure after you tested COVID19-positive
被诊断为新冠阳性后，住院及在酒店疗养均免费
कोरोना संक्रमण भई सकेपछि अस्पताल तथा होटलमा बसी उपचार गर्न पैसा लाग्दैन
Không c`ần trả ti`ền khi đi`ều trị tại bệnh viện, khách sạn sau khi được chuẩn đoán dương tính với corona

●コロナに関する多言語情報 新型コロナウイルス感染症対策（内閣官房）

Multi-language Information on COVID-19
COVID-19 Information and Resources （Cabinet Secretariat）
有关新冠的多语言信息、新型冠状病毒感染症对策（内阁官房）
कोरोनाको बारेमा बहुभाषी जानकारी कोरोना भाइरस संक्रमण नियन्त्रण (मन्त्रीमंडल)
Thông tin bằng nhi`ều ngôn ngữ liên quan đến corona
Các biện pháp phòng chống bệnh truy`ền nhiễm virus corona chủng mới (Văn phòng nội các Nhật Bản)

●コロナに関する多言語医療情報（全国保健所長会）

Multi-language Information onCOVID-19
（Japanese Association of Public Health Center Directors）
有关新冠的多语言医疗信息（全国保健所长会）
कोरोनाको बारेमा बहुभाषी चिकित्सा जानकारी (राष्ट्रिय स्वास्थ्य केन्द्र निर्देशक संघ)
Thông tin y tế' bằng nhi`ều ngôn ngữ liên quan đến corona
(Hiệp hội giám đốc trung tâm y tế' toàn quốc)

そのとき　自分ですること

Things you can do on your own　自己要做的事　आफैले गर्ने कुराहरु　Việc tự mình thực hiện

1 電話番号を確認します

Check some phone numbers
确认好电话号码
फोन नम्बर थाहा पाई राख्ने
Xác nhận sỐ điện thoại

自宅療養中に体調がわるくなったとき、どこに連絡するか必ず聞きましょう

Ask the phone number where you can reach in case you feel out of sorts during home cure
在家疗养中如症状发生恶化时，应给哪儿打电话，请务必事先打听清楚
घरमा बसी उपचार गरिराख्नेको बेलामा स्वास्थ्यमा समस्या आएको खण्डमा ,कहाँ सम्पर्क गर्ने भनेर सोध्नु होस्
Nhất định hãy hỏi xem có thể' liên lạc đến đâu khi tình trạng cơ thể' chuyển biến xấu trong quá trình đi`ều trị tại nhà

救急車を呼ぶときは119
Call 119 for an ambulance
叫救护车时请拨打119
एम्बुलेन्स बोलाउनलाई 119 मा फोन गर्ने
Khi c`ần gọi xe cấp cứu hãy gọi đến sỐ 119

2 準備します

Items you need to prepare
做好住院准备
तयारी गर्ने
Chuẩn bị

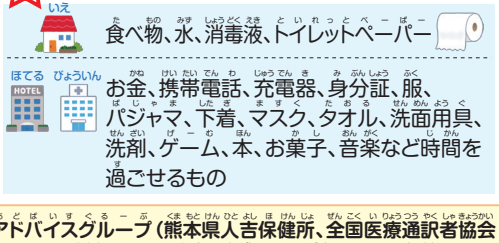

3 日本語を覚えます

Pick up some Japanese words and phrases
请记住相关的日语单词
जापानी भाषा सिक्ने
Học tiếng Nhật

コロナの症状を伝えるための日本語を練習できる動画とテキストがあります

There are videos and textbooks to learn some Japanese words and phrases to describe symptoms of COVID-19
有学日语的视频和教材，告诉你如何表达新冠的症状
कोरोनाको लक्षणहरु बताउनका लागि जापानी भाषाको अभ्यास गर्न भिडियो तथा किताबहरु छन्
Có các video và tài liệu văn bản có thể' giúp luyện tập tiếng Nhật khi muốn truy`ền đạt những triệu chứng nhiễm corona

cinga

協力:みんなの外国人ネットワークMINNAマテリアルアドバイスグループ（熊本県人吉保健所、全国医療通訳者協会（NAMI）、帝京大学、東京都北区保健所）、NPO法人国際活動市民中心（CINGA）※ 各地にあった変更を希望される場合などはお問合せください　info@cinga.or.jp